TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN C R** **THÀNH PHỐ C T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2024/HNST
Ngày: 31/07/2024
Về việc: *"Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C R, THÀNH PHỐ C T

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà *Trần Thị Hồng Gấm*.
- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông *Bùi Thanh Trí*.

Ông *Nguyễn Văn Sang*.

- Thư ký phiên tòa: Bà *Trương Hoàng Minh Phương* – Thư ký Tòa án nhân dân quận C R, thành phố C T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C R tham gia phiên tòa: *Nguyễn Thị Thùy Vân* – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31/07/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C R, thành phố C T tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 108/2024/TLST-HN ngày 05 tháng 6 năm 2024 về *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 241/2024/QĐST-HN ngày 15/7/2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn T N L**, sinh năm 1991. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Ấp Nhất A, xã T H, huyện P H, tỉnh H G.

* *Bị đơn*: Ông **Phạm V D**, sinh năm 1974. (Vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Số 118/5, khu vực Yên Bình, phường L B, quận C R, thành phố C T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn – bà Nguyễn T N L trình bày*:

Về hôn nhân: Bà và ông Phạm V D tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L B, quận C R, thành phố C T vào ngày 18/8/2009. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Theo bà L trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã nhau. Bà đã cho vợ chồng thời gian dài để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, mục đích hôn nhân không còn đạt được, vợ chồng ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay tình cảm đã thật sự rạn nứt, không còn nên bà yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn với ông Phạm V D.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm N P T (Nữ), sinh ngày 08/6/2010 và Phạm N T T (Nam), sinh ngày 29/3/2013. Khi ly hôn thì bà yêu cầu được nuôi cháu T và giao cháu TR cho ông D nuôi dưỡng, không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp giải quyết thành vụ kiện khác.

Về nợ chung: Không có.

** Phía bị đơn ông Phạm V D*:

Ông D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để tham dự hòa giải cũng như xét xử. Do đó, Tòa án đã làm thủ tục tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn theo quy định tại điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do phía bị đơn vắng mặt, nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hòa giải được mà phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do dù đã triệu tập hợp lệ do đó Hội đồng xét xử công bố lời khai của các đương sự và tiến hành xét xử theo quy định của của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến nhận xét về quá trình tuân theo quy định của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký và ý kiến về đường lối giải quyết vụ án:

Về thẩm quyền thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng Tòa án xác định là đúng theo quy định, vụ kiện thụ lý là đúng thẩm quyền, việc tiến hành thủ tục xét xử của Tòa án cho đến giai đoạn hiện nay là phù hợp.

Về đường lối giải quyết vụ án thì đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận cho bà Nguyễn T N L ly hôn với ông Phạm V D. Về con chung: Giao cháu Phạm N P T cho bà Nguyễn T N L trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Phạm N T T cho ông Phạm V D trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung thì không có, không đặt ra xem xét.

(Có bài phát biểu kèm theo)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Bà Nguyễn T N L và ông Phạm V D tự nguyện tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Khi phát sinh tranh chấp thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết và quan hệ này được Luật hôn nhân gia đình điều chỉnh, tranh chấp giữa các đương sự thuộc quan hệ *"Tranh chấp ly hôn"*. Mặc khác, bị đơn ông D có địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú tại quận C R, thành phố C T nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận C R theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về phần thủ tục*:

Bà L đã được triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên chấp nhận. Ông D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để tham dự hòa giải cũng như tham dự phiên tòa. Tòa án đã làm thủ tục đăng báo, niêm yết thông báo

về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông D theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là có cơ sở.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:*

Bà L và ông D tự nguyện tiến tới hôn nhân, thời gian đầu chung sống hạnh phúc về sau phát sinh mâu thuẫn. Theo bà L mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cự cãi. Mặc dù, bà đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không mang lại kết quả, vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông Diệu. Ông D đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến tham dự phiên hòa giải cũng như tham dự phiên tòa chứng tỏ ông cũng không tha thiết tha gì đối với quan hệ hôn nhân này. Vì vậy, yêu cầu giải quyết ly hôn của bà L là có cơ sở để chấp nhận.

[4] *Về con chung*:

Có 02 con chung tên Phạm N P T (Nữ), sinh ngày 08/6/2010 và Phạm N T T (Nam), sinh ngày 29/3/2013. Nhận thấy, theo bà L trình bày hiện nay cháu T đang ở với bà L và tại bản tự khai của cháu T cũng xác định nguyện vọng được sống chung với bà Liên. Còn cháu TR thì đang sống cùng với ông D từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Tòa án cũng triệu tập ông D nhưng ông D vắng mặt, không cung cấp bản ý kiến của mình. Do đó, để tránh thay đổi môi trường sống ảnh hưởng đến tâm sinh lý của các cháu, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu T cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu TR cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng. Việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là trách nhiệm của người không trực tiếp nuôi dưỡng, bà L không yêu cầu vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung và ông D vắng mặt nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] *Về tài sản chung*: Bà L xác định không có, không yêu cầu xem xét. Nếu sau này có tranh chấp thì giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] *Về nợ chung*: Không có.

[7] *Về án phí, lệ phí sơ thẩm*: Nguyên đơn phải nộp án phí Hôn nhân và Gia đình theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng với số tiền 2.736.000 đồng (Hai triệu, bảy trăm ba mươi sáu nghìn đồng), bà L chịu lệ phí này và phía bà L đã thực hiện xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

<u>Căn cứ vào</u>:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 149, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn T N L.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của bà Nguyễn T N L đối với ông Phạm V D.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm N P T (Nữ), sinh ngày 08/6/2010 và Phạm N T T (Nam), sinh ngày 29/3/2013. Giao cháu T cho bà Nguyễn T N L trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu TR cho ông Phạm V D trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho bà Nguyễn T N L, ông Phạm V D không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì giải quyết thành vụ kiện khác.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm với số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003489 ngày 29/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận C R, thành phố C T thành án phí.

- Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Bà Nguyễn T N L chịu số tiền 2.736.000 đồng (Hai triệu, bảy trăm ba mươi sáu nghìn đồng). Số tiền này bà L đã thực hiện xong.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

TRẦN THỊ HỒNG GẤM

Nơi nhận:
- + VKSND quận C R;
- + Chi Cục THADS quận C R;
- + UBND phường L B, Q. C R, TP. C T;
- + Các đương sự;
- + Lưu hồ sơ vụ án.